

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ
Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-05
Báo cáo kiểm toán	06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07-33
Bảng cân đối kế toán	07-09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11-12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13-33

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, thương mại.

Tên giao dịch của Công ty là: Simco Songda Joint Stock Company. Tên viết tắt là: Simco SDA.,JSC.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103002544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/07/2003, và các đăng ký thay đổi, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động xuất khẩu lao động (theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ tư vấn dự học;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh: vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ từ tre, nứa;
- Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Kinh doanh dịch vụ lưu hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ thể thao vui chơi giải trí;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, linh kiện điện tử, tin học, máy tính, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị viễn thông, truyền thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng;
- Tư vấn thiết kế trang web, lắp đặt mạng máy tính, thi công mạng điện tử viễn thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ quản lý các khu đô thị;
- Thành lập các trung tâm thương mại, trung tâm nghiên cứu ứng dụng phục vụ cho các ngành nghề kinh tế quốc dân trong và ngoài nước;
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ phần mềm và phát triển công nghệ tin học;
- Tư vấn nghiên cứu ứng dụng phát triển và chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao;
- Thiết kế, thi công, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng và thiết bị máy tính, điện tử, tin học, viễn thông, truyền thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật liệu điện;
- Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, nước khoáng, nước tinh lọc;
- Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Nghiên cứu sản xuất một số loại vật liệu xây dựng;
- Buôn bán các mặt hàng về hóa mỹ phẩm (cho cả nam và nữ);
- Mở các trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc người già Việt Nam và người già nước ngoài (không bao gồm dịch vụ khám chữa bệnh);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan;
- Xây dựng và kinh doanh các công trình cơ sở hạ tầng;
- Đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ nghề cho các nghề thuộc lĩnh vực xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng phục vụ xuất khẩu lao động (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh thu gom, tái chế và xuất khẩu vật tư thiết bị điện, điện tử, nhựa, kim loại;
- Mua bán rác phế liệu, thủy tinh, cao su phế thải, nhựa đã qua sử dụng, thạch cao phế phẩm, sắt thép phế liệu, đồng nát;
- Mua bán và vận chuyển than;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân;
- Sản xuất và mua bán mũ bảo hiểm;
- Thiết kế sản xuất thời trang đồ nội ngoại thất (không bao gồm thiết kế nội ngoại thất công trình);
- Sáng tác, sản xuất và mua bán các loại tượng phù điêu, tranh nghệ thuật;
- Thiết kế mẫu quảng cáo và thi công các hạng mục quảng cáo;
- In ấn tranh nghệ thuật, tranh truyền thống cổ động và các văn hóa phẩm được phép lưu hành (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Sáng tác, lập dự án đầu tư, thi công xây dựng các công trình tượng đài, tranh hoành tráng, tranh nghệ thuật, tranh lịch sử (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Trang trí nội ngoại thất các công trình văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa và các công trình xây dựng khác thuộc nhóm C và một số hạng mục thuộc nhóm B;
- Kinh doanh các sản phẩm vật tư, thiết bị chuyên ngành mỹ thuật, các sản phẩm mỹ thuật, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Trụ sở chính của Công ty tại: Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 105.000.000.000 VND. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này, số vốn thực góp của Công ty là 90.999.890.000 VND. Tương đương 9.099.989 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Các đơn vị thành viên:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh	Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh
- Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ - Kinh tế Simco Sông Đà	Xã Bình Minh, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà - Xí nghiệp Xây dựng Simco Sông Đà	Phòng 408, Khu B, Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Các công ty con:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	Phường Thịnh Lang, TP Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình

Các công ty liên kết:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà	Số 223 Đường Lê Duẩn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điển	Cụm công nghiệp Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội
- Công ty Cổ phần May xuất khẩu Sông Đà	Phường Tân Thịnh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình
- Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ Thông tin Sông Đà	Tầng 2, Khu B, Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Chu Minh Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Ủy viên	
Bà Đặng Thị Thường	Ủy viên	
Ông Phạm Đức Chính	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2009
Ông Phạm Khắc Tập	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2009
Ông Tạ Quốc Trung	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2009
Ông Nguyễn Thiềm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2009

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hoàng Khánh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đặng Thị Thường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Đức Chính	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Hữu Minh	Phó Tổng Giám đốc	Từ 01/01/2009 đến 16/09/2009
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2009
Ông Nguyễn Ngọc Kim	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/08/2009
Ông Tạ Quốc Trung	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2009

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nghiêm Thị Bồn	Trưởng ban
Ông Hà Hồng Ninh	Ủy viên
Ông Hà Quang Nhân	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2010

TM. Ban Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Đặng Thị Thường

Số: /2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà được lập ngày 08 tháng 03 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 07 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Trong Báo cáo tài chính năm 2009, Công ty đã hạch toán giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp theo đăng ký của Công ty với cơ quan thuế về việc giảm thuế đối với các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, Cơ quan thuế chưa có văn bản trả lời đối với Công ty về nội dung này. Trong trường hợp Công ty không được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp niêm yết thì số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm tăng thêm là: 3.529.427.648 VND (xem chi tiết tại thuyết minh số 26).

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)
Phó Tổng giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Thanh Tùng
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Vũ Xuân Biễn
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀNhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		199.186.001.122	306.666.453.438
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	15.441.541.887	46.473.890.438
111	1 Tiền		14.688.402.656	27.616.670.500
112	2 Các khoản tương đương tiền		753.139.231	18.857.219.938
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	151.870.409.552	209.305.044.837
121	1 Đầu tư ngắn hạn		151.870.409.552	209.305.044.837
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		6.172.725.029	8.708.534.273
131	1 Phải thu của khách hàng		773.360.829	3.785.231.020
132	2 Trả trước cho người bán	5	4.881.785.334	3.506.552.400
135	5 Các khoản phải thu khác	6	517.578.866	1.416.750.853
140	IV Hàng tồn kho	7	16.819.047.560	31.441.889.633
141	1 Hàng tồn kho		16.819.047.560	31.441.889.633
150	V Tài sản ngắn hạn khác		8.882.277.094	10.737.094.257
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		128.352.652	94.514.701
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		2.616.986.594	5.699.369.318
154	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	2.273.708.772	2.200.519.134
158	4 Tài sản ngắn hạn khác		3.863.229.076	2.742.691.104
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		117.439.949.812	113.083.445.638
220	II Tài sản cố định		57.589.255.585	74.232.768.343
221	1 Tài sản cố định hữu hình	9	12.972.294.705	13.891.572.997
222	- Nguyên giá		21.010.693.102	20.016.792.947
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(8.038.398.397)	(6.125.219.950)
227	3 Tài sản cố định vô hình	10	1.071.768.023	1.375.002.455
228	- Nguyên giá		2.818.471.000	2.818.471.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.746.702.977)	(1.443.468.545)
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	43.545.192.857	58.966.192.891
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	57.828.132.059	35.983.359.294
251	1 Đầu tư vào công ty con		2.700.000.000	2.700.000.000
252	2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		32.146.044.307	23.096.044.307
258	3 Đầu tư dài hạn khác		24.428.698.800	10.545.221.305
259	4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(1.446.611.048)	(357.906.318)
260	V Tài sản dài hạn khác		2.022.562.168	2.867.318.001
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	13	423.923.710	1.253.583.441
268	3 Tài sản dài hạn khác		1.598.638.458	1.613.734.560
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		316.625.950.934	419.749.899.076

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀNhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
300	A NỢ PHẢI TRẢ		158.997.713.197	287.442.305.737
310	I Nợ ngắn hạn		111.319.777.818	200.615.882.149
312	2 Phải trả người bán		11.995.971.199	11.891.004.422
313	3 Người mua trả tiền trước	14	74.791.894.764	167.438.247.138
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	135.580.529	124.434.012
315	5 Phải trả người lao động		3.704.209.263	2.180.201.815
316	6 Chi phí phải trả	16	366.601.857	570.537.764
319	9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	19.440.444.780	18.411.456.998
320	10 Dự phòng phải trả ngắn hạn		885.075.426	-
330	II Nợ dài hạn		47.677.935.379	86.826.423.588
333	3 Phải trả dài hạn khác	18	47.597.532.151	86.724.222.760
336	6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		80.403.228	102.200.828
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		157.628.237.737	132.307.593.339
410	I Vốn chủ sở hữu	19	156.743.268.877	131.364.590.155
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		90.999.890.000	90.999.890.000
414	4 Cổ phiếu quỹ (*)		(1.682.000)	(1.682.000)
416	6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(101.897.617)	-
417	7 Quỹ đầu tư phát triển		14.665.377.519	34.637.172
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		5.817.066.994	4.317.589.397
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		45.364.513.981	36.014.155.586
430	II Nguồn kinh phí và quỹ khác		884.968.860	943.003.184
431	1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		660.746.592	417.959.856
432	2 Nguồn kinh phí	20	180.000	427.460.000
433	3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		224.042.268	97.583.328
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		316.625.950.934	419.749.899.076

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
5 Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		54.286,87	6.336,46
- Yên nhật (¥)		5.272.793,00	4.196.373,00

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2010

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Đà Giang

Lê Thị Thủy

Đặng Thị Thường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	156.134.544.235	51.107.321.798
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		24.421.064	103.129.779
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		156.110.123.171	51.004.192.019
11	4 Giá vốn hàng bán	22	122.194.368.720	32.064.955.879
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.915.754.451	18.939.236.140
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	23	21.754.009.282	37.946.600.250
22	7 Chi phí tài chính	24	1.319.311.697	495.502.587
24	8 Chi phí bán hàng		-	59.058.972
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	14.217.123.801	15.665.345.265
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		40.133.328.235	40.665.929.566
31	11 Thu nhập khác		354.816.148	2.794.689.294
32	12 Chi phí khác		151.828.406	2.034.055.734
40	13 Lợi nhuận khác		202.987.742	760.633.560
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		40.336.315.977	41.426.563.126
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	3.529.427.648	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		36.806.888.329	41.426.563.126

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Đà Giang

Lê Thị Thủy

Đặng Thị Thường

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1 Lợi nhuận trước thuế		40.336.315.977	41.426.563.126
02	Khấu hao tài sản cố định		2.216.412.879	2.385.049.159
03	Các khoản dự phòng		1.088.704.730	357.906.318
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(95.619.840)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(21.687.793.887)	(37.808.833.769)
08	3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.953.639.699	6.265.064.994
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		4.497.653.996	(656.770.894)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		14.622.842.073	(28.920.643.157)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(90.107.990.119)	84.556.325.776
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		795.821.780	(1.185.378.300)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.602.617.286)	(7.359.578.843)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.692.940.000	15.072.513.417
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(33.087.436.994)	(24.926.969.672)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(80.235.146.851)	42.844.563.321
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(23.765.704.428)	(48.024.582.528)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	209.090.910
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(87.692.496.155)	(49.541.578.488)
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		157.123.025.996	48.166.700.445
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(9.050.000.000)	(19.583.343.159)
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.250.000.000
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.687.793.887	37.025.122.465
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		58.302.619.300	(30.498.590.355)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	(1.322.000)
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.099.821.000)	(6.999.964.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(9.099.821.000)	(7.001.286.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
 Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2009***Đơn vị tính: VND*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(31.032.348.551)	5.344.686.966
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		46.473.890.438	41.033.583.632
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	95.619.840
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	15.441.541.887	46.473.890.438

*Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2010***Người lập****Kế toán trưởng****Phó Tổng Giám đốc****Phạm Thị Đà Giang****Lê Thị Thủy****Đặng Thị Thường**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, thương mại.

Trụ sở chính của Công ty tại: Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Các đơn vị thành viên:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Quản lý Dự án
- Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ - Kinh tế Simco Sông Đà	Hà Nội	Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng, dạy nghề
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà - Xí nghiệp Xây dựng Simco Sông Đà	Hà Nội	Xây dựng, kinh doanh nhà, hạ tầng, vật tư, máy móc thiết bị

Các công ty con:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	Hòa Bình	Sản xuất giấy, các sản phẩm từ giấy

Các công ty liên kết:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà	Gia Lai	Đầu tư các công trình thủy điện, nhiệt điện, xây dựng, tư vấn thiết kế
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điển	Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại rượu
- Công ty Cổ phần May xuất khẩu Sông Đà	Hòa Bình	Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc
- Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ Thông tin Sông Đà	Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh phần mềm, tư vấn thiết kế trong lĩnh vực CNTT

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, dịch vụ, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103002544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/07/2003, và các đăng ký thay đổi, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

- Hoạt động xuất khẩu lao động (theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ tư vấn dự học;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh: vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ từ tre, nứa;
- Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Kinh doanh dịch vụ lễ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ thể thao vui chơi giải trí;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, linh kiện điện tử, tin học, máy tính, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị viễn thông, truyền thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng;
- Tư vấn thiết kế trang web, lắp đặt mạng máy tính, thi công mạng điện tử viễn thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ quản lý các khu đô thị;
- Thành lập các trung tâm thương mại, trung tâm nghiên cứu ứng dụng phục vụ cho các ngành nghề kinh tế quốc dân trong và ngoài nước;
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ phần mềm và phát triển công nghệ tin học;
- Tư vấn nghiên cứu ứng dụng phát triển và chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao;
- Thiết kế, thi công, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng và thiết bị máy tính, điện tử, tin học, viễn thông, truyền thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật liệu điện;
- Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, nước khoáng, nước tinh lọc;
- Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Nghiên cứu sản xuất một số loại vật liệu xây dựng;
- Buôn bán các mặt hàng về hóa mỹ phẩm (cho cả nam và nữ);
- Mở các trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc người già Việt Nam và người già nước ngoài (không bao gồm dịch vụ khám chữa bệnh);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan;
- Xây dựng và kinh doanh các công trình cơ sở hạ tầng;
- Đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ nghề cho các nghề thuộc lĩnh vực xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng phục vụ xuất khẩu lao động (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

- Kinh doanh thu gom, tái chế và xuất khẩu vật tư thiết bị điện, điện tử, nhựa, kim loại;
- Mua bán rác phế liệu, thủy tinh, cao su phế thải, nhựa đã qua sử dụng, thạch cao phế phẩm, sắt thép phế liệu, đồng nát;
- Mua bán và vận chuyển than;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân;
- Sản xuất và mua bán mũ bảo hiểm;
- Thiết kế sản xuất thời trang đồ nội ngoại thất (không bao gồm thiết kế nội ngoại thất công trình);
- Sáng tác, sản xuất và mua bán các loại tượng phù điêu, tranh nghệ thuật;
- Thiết kế mẫu quảng cáo và thi công các hạng mục quảng cáo;
- In ấn tranh nghệ thuật, tranh truyền thống cổ động và các văn hóa phẩm được phép lưu hành (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Sáng tác, lập dự án đầu tư, thi công xây dựng các công trình tượng đài, tranh hoành tráng, tranh nghệ thuật, tranh lịch sử (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Trang trí nội ngoại thất các công trình văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa và các công trình xây dựng khác thuộc nhóm C và một số hạng mục thuộc nhóm B;
- Kinh doanh các sản phẩm vật tư, thiết bị chuyên ngành mỹ thuật, các sản phẩm mỹ thuật, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hoạt động xây lắp, chi phí sản xuất kinh doanh được xác định như sau:

$$\text{Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ} = \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ} - \text{Giá vốn ghi nhận trong kỳ}$$

Trong đó:

$$\text{Giá vốn ghi nhận trong kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng thực hiện dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Giá trị sản lượng được nghiệm thu trong kỳ (Chủ đầu tư xác nhận)}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 năm

Giá trị lợi thế doanh nghiệp được hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp đánh giá khi thực hiện cổ phần hóa Công ty theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 16/04/2003, được phân loại là tài sản cố định vô hình và được khấu hao trong 10 năm.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Giá trị dần giáo, cấp pha, dụng cụ phục vụ thi công công trình;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này.

Từ năm 2009, việc xử lý các khoản đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ được ghi nhận theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính.

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (từ 1 năm trở xuống)	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.
Công nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính.	

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty thực hiện chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/06/2002 về chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần, theo đó Công ty được áp dụng ưu đãi như đối với đơn vị thành lập mới theo quy định tại Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 quy định chi tiết thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp (được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo). Công ty đã thực hiện kê khai miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2004, năm 2005 và giảm 50% số thuế phải nộp trong năm 2006, năm 2007.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội) ngày 21/12/2006. Theo Công văn số 11924TC/CST ngày 20/10/2004, Công văn số 5248/TC-CST ngày 29/04/2005 và Công văn số 10997/BTC-CST ngày 08/09/2006 của Bộ Tài chính thì Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi thực hiện niêm yết. Công ty thực hiện kê khai miễn giảm 50% số thuế phải nộp trong năm 2008 và năm 2009.

Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 được giảm 30% theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

3 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền	14.688.402.656	27.616.670.500
- Tiền mặt	2.001.494.388	1.558.401.242
- Tiền gửi ngân hàng	12.686.908.268	26.058.269.258
Tương đương tiền	753.139.231	18.857.219.938
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	600.000.000	7.491.664.382
- Ủy thác quản lý vốn bằng tiền	153.139.231	11.365.555.556
Cộng	15.441.541.887	46.473.890.438

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Cho Tổng Công ty Sông Đà vay	134.476.634.351	208.805.044.837
Cho Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển vay	15.393.775.201	-
Cho Công ty CP May xuất khẩu Sông Đà vay	-	500.000.000
Ủy thác quản lý vốn bằng tiền	2.000.000.000	-
Cộng	151.870.409.552	209.305.044.837

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Ứng trước khối lượng công trình	4.730.520.834	3.406.052.400
- Dự án Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc	2.881.009.000	1.581.722.000
- Dự án Đường bao phía tây Thị xã Hà Tĩnh	1.549.511.834	1.524.330.400
- Dự án Khu công nghiệp Phụng Hiệp, Thường Tín	300.000.000	300.000.000
Ứng trước cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ	151.264.500	100.500.000
Cộng	4.881.785.334	3.506.552.400

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu các cá nhân tiền bán cổ phần Công ty CP Flygt	-	700.000.000
Phải thu tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi ủy thác quản lý vốn	102.324.272	413.658.586
Phải thu khác	415.254.594	303.092.267
Cộng	<u><u>517.578.866</u></u>	<u><u>1.416.750.853</u></u>

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.928.834.215	1.432.374.468
Công cụ, dụng cụ	58.467.878	79.667.453
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.852.827.025	29.769.285.455
Thành phẩm	22.773.550	22.773.550
Hàng hoá	11.956.144.892	137.788.707
Cộng giá gốc hàng tồn kho	16.819.047.560	31.441.889.633
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	<u><u>16.819.047.560</u></u>	<u><u>31.441.889.633</u></u>

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.273.708.772	2.200.519.134
Cộng	<u><u>2.273.708.772</u></u>	<u><u>2.200.519.134</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

9 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

10 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Lợi thế doanh nghiệp	Hệ thống Website	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu kỳ	2.726.811.000	91.660.000	2.818.471.000
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	2.726.811.000	91.660.000	2.818.471.000
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu kỳ	1.420.214.065	23.254.480	1.443.468.545
2. Số tăng trong kỳ	272.681.100	30.553.332	303.234.432
- Trích khấu hao	272.681.100	30.553.332	303.234.432
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	1.692.895.165	53.807.812	1.746.702.977
III. Giá trị còn lại			
1. Đầu kỳ	1.306.596.935	68.405.520	1.375.002.455
2. Cuối kỳ	1.033.915.835	37.852.188	1.071.768.023

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	43.228.273.362	58.454.498.596
- Dự án Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc	37.709.419.726	53.846.568.424
- Dự án Tuyến đường bao phía tây Thị xã Hà Tĩnh	197.101.144	2.594.093.028
- Dự án Khu Công nghiệp Phụng Hiệp, Thường Tín	2.262.839.675	2.011.963.508
- Các công trình Trường Cao đẳng nghề	2.382.404.271	1.873.636
- Dự án Lào Cai - Yên Bái	68.777.193	-
- Dự án mở rộng thị trường Canada	607.731.353	-
Mua sắm tài sản cố định	292.314.786	487.089.586
- Máy móc, thiết bị Trường Cao đẳng nghề	292.314.786	487.089.586
Sửa chữa lớn tài sản cố định	24.604.709	24.604.709
- Cài tạo nhà để xe, xưởng thực hành Trường Cao đẳng nghề	24.604.709	24.604.709
Cộng	43.545.192.857	58.966.192.891

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	2.700.000.000	2.700.000.000
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	2.700.000.000	2.700.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	32.146.044.307	23.096.044.307
- Công ty CP Thủy điện Đăk Đoa	17.600.000.000	11.800.000.000
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	9.750.000.000	6.500.000.000
- Công ty CP May xuất khẩu Sông Đà	1.896.044.307	1.896.044.307
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	2.900.000.000	2.900.000.000
Đầu tư dài hạn khác	24.428.698.800	10.545.221.305
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.446.611.048)	(357.906.318)
Cộng	57.828.132.059	35.983.359.294

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2009 như sau:

Tên công ty con	Tỷ lệ vốn góp cam kết	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ lợi ích	Giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm 31/12/2009
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	90,00%	90,00%	90,00%	2.700.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2009 như sau:

Tên công ty liên kết	Tỷ lệ vốn góp cam kết	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ lợi ích	Giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm 31/12/2009
- Công ty CP Thủy điện Đăk Đoa	28,57%	33,33%	30,26%	17.600.000.000
+ Vốn góp của Công ty	26,47%	30,26%		15.980.000.000
+ Vốn nhận ủy thác của CBCNV (*)	2,10%	3,07%		1.620.000.000
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	30,00%	33,62%	13,79%	9.750.000.000
+ Vốn góp của Công ty	14,00%	13,79%		4.000.000.000
+ Vốn nhận ủy thác của CBCNV (*)	16,00%	19,83%		5.750.000.000
- Công ty CP May xuất khẩu Sông Đà	41,00%	40,97%	40,97%	1.896.044.307
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	35,00%	35,83%	35,83%	2.900.000.000

(*) Đây là các khoản nhận ủy thác đầu tư của cán bộ công nhân viên Công ty theo các hợp đồng ủy thác đầu tư. Theo đó, Công ty được ủy thác để góp vốn và thực hiện các quyền, nghĩa vụ liên quan với tư cách là cổ đông của bên nhận góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đầu tư dài hạn khác:	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Góp vốn thành lập công ty	7.759.000.000	7.759.000.000
- Công ty CP Sắt Thạch Khê	759.000.000	759.000.000
- Công ty CP Cao su Phú Riềng - Kratie	3.300.000.000	3.300.000.000
- Công ty CP Đầu tư Vĩnh Sơn	2.100.000.000	2.100.000.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	1.100.000.000	1.100.000.000
- Công ty CP ĐTPT Đô thị và KCN Sông Đà Miền Trung	500.000.000	500.000.000
Cho vay dài hạn - Công ty TNHH Simco Sông Đà	1.669.698.800	2.786.221.305
Trái phiếu chuyển đổi Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	15.000.000.000	-
- Vốn của Công ty	12.545.000.000	-
- Vốn nhận ủy thác của CBCNV	2.455.000.000	-
Cộng	24.428.698.800	10.545.221.305
13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN		
	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	193.128.535	374.957.057
Chi phí sửa chữa tài sản cố định chờ phân bổ	25.271.145	47.291.514
Chi phí giàn giáo, cốp pha, dụng cụ phục vụ thi công	205.524.030	831.334.870
Cộng	423.923.710	1.253.583.441
14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC		
	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Người mua trả tiền trước	65.320.760.247	153.405.207.760
- Dự án Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc	52.192.660.174	98.057.024.760
- Dự án Tuyến đường bao phía tây Thị xã Hà Tĩnh	12.092.446.805	55.038.820.000
- Công trình HH4 - CN Công ty CP Sông Đà 1 tại Hà Nội	90.000.000	90.000.000
- Công trình của Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	945.653.268	219.363.000
Doanh thu chưa thực hiện	9.471.134.517	14.033.039.378
- Phí dịch vụ xuất khẩu lao động	9.355.725.480	13.800.085.815
- Phí dịch vụ đào tạo	108.785.837	189.806.463
- Phí dịch vụ nội trú	6.623.200	43.147.100
Cộng	74.791.894.764	167.438.247.138

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	135.580.529	124.434.012
Cộng	135.580.529	124.434.012

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	34.716.200	58.706.200
Trích trước chi phí vật tư cho các công trình	163.965.657	-
Phí kiểm toán	130.000.000	98.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	102.300.000
Tiền ăn ca	37.920.000	52.000.000
Trích trước chi phí khác	-	259.531.564
Cộng	366.601.857	570.537.764

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	224.265.323	216.576.098
Bảo hiểm xã hội	100.611.886	28.808.101
Bảo hiểm y tế	26.688.646	16.306.718
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	914.994.695	3.281.824.695
Phải trả đối tác nước ngoài về xuất khẩu lao động	4.662.539.671	4.499.281.582
Phải trả tiền nhân công thuê ngoài phục vụ thi công	1.410.149.000	1.767.744.000
Phải trả tiền nhận ủy thác đầu tư của CBCNV	9.825.000.000	6.720.000.000
Phải trả tiền xuất cảnh của lao động xuất khẩu	230.851.032	988.995.344
Phải trả tiền chuyển nhượng vốn Công ty TNHH Simco Sông Đà	280.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	1.765.344.527	891.920.460
Cộng	19.440.444.780	18.411.456.998

18 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác là các khoản ký quỹ đảm bảo thực hiện hợp đồng của người lao động theo các hợp đồng đưa lao động đi làm việc tại nước ngoài.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.999.890.000	90.999.890.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	90.999.890.000	70.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	20.999.890.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	90.999.890.000	90.999.890.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.099.821.000	13.999.926.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	9.099.821.000	6.999.962.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	6.999.964.000

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2009 của Đại Hội đồng Cổ đông, Công ty công bố việc chi trả cổ tức của năm 2008 là 16.099.785.000 VND. Trong đó, đã tạm ứng đợt 1 năm 2008 là 6.999.964.000 VND và thanh toán trong năm 2009 là 9.099.821.000 VND.

d) Cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.099.989	9.099.989
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.099.989	9.099.989
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.099.989	9.099.989
Số lượng cổ phiếu được mua lại	168	168
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	168	168
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.099.821	9.099.821
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.099.821	9.099.821
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.665.377.519	34.637.172
Quỹ dự phòng tài chính	5.817.066.994	4.317.589.397
Cộng	20.482.444.513	4.352.226.569

20 . NGUỒN KINH PHÍ

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	427.460.000	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	1.070.000.000	1.424.290.000
Nguồn kinh phí không chi hết	(135.180.000)	-
Chi sự nghiệp	(1.362.100.000)	(996.830.000)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	180.000	427.460.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
 Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng hóa	-	15.234.010.129
Doanh thu bán thành phẩm	-	229.900.746
Doanh thu cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, đào tạo	26.351.874.177	23.752.688.084
Doanh thu kinh doanh hạ tầng, hợp đồng xây dựng	128.058.217.353	11.421.792.278
Doanh thu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và doanh thu khác	1.724.452.705	468.930.561
Cộng	156.134.544.235	51.107.321.798

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	-	15.212.606.689
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	206.743.720
Giá vốn của dịch vụ xuất khẩu lao động, đào tạo đã cung cấp	7.910.717.433	9.185.178.352
Giá vốn kinh doanh hạ tầng, hợp đồng xây dựng	112.611.219.145	7.271.214.482
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và giá vốn khác	1.672.432.142	189.212.636
Cộng	122.194.368.720	32.064.955.879

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, ủy thác quản lý vốn	21.687.793.887	35.371.627.326
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	2.477.230.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	66.215.395	1.351.719
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	95.619.840
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	771.365
Cộng	21.754.009.282	37.946.600.250

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền ký quỹ, ký cược	54.688.511	129.858.253
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	157.885.531	7.738.016
Dự phòng các khoản đầu tư	1.088.704.730	357.906.318
Chi phí tài chính khác	18.032.925	-
Cộng	1.319.311.697	495.502.587

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀNhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	693.254.841	847.174.652
Chi phí nhân công	8.303.294.183	7.680.533.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định	840.406.459	1.032.175.687
Thuế, phí, lệ phí	49.938.826	24.840.000
Chi phí dự phòng	-	38.257.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.858.078.571	2.084.884.662
Chi phí khác bằng tiền	2.472.150.921	3.957.478.478
Cộng	14.217.123.801	15.665.345.265

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.336.315.977	41.426.563.126
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(542.093.588)
- Các khoản điều chỉnh tăng (phạt theo kết quả thanh tra thuế)	-	1.619.925.707
- Các khoản điều chỉnh giảm (lãi chênh lệch tỷ giá, thu nhập theo kết quả thanh tra thuế)	-	(2.162.019.295)
Tổng thu nhập chịu thuế	40.336.315.977	40.884.469.538
Tổng thu nhập tính thuế	40.336.315.977	40.884.469.538
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	10.084.078.994	11.447.651.470
Thuế TNDN được giảm đối với doanh nghiệp cổ phần hóa và đối với doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán (*)	(5.042.039.497)	(11.447.651.470)
Thuế TNDN được giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính (theo tờ khai tạm tính thuế TNDN của Công ty)	(1.512.611.849)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.529.427.648	-

(*) Năm 2009, Công ty đã hạch toán giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp theo đăng ký của Công ty với cơ quan thuế về việc giảm thuế đối với các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, Cơ quan thuế chưa có văn bản trả lời đối với Công ty về nội dung này. Trong trường hợp không được miễn thuế TNDN năm 2009 đối với doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán thì số thuế TNDN được miễn giảm và số thuế TNDN phải nộp trong năm 2009 được tính như sau:

Chi phí thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	10.084.078.994
Thuế TNDN được giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính (theo tờ khai tạm tính thuế TNDN của Công ty)	(3.025.223.698)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.058.855.296

Như vậy, trong trường hợp Công ty không được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp niêm yết thì số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm tăng thêm là: **3.529.427.648 VND**

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
 Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2009 VND
Góp vốn vào công ty		
- Công ty CP Thủy điện Đak Đoa	Công ty liên kết	5.800.000.000
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thủy Điển	Công ty liên kết	3.250.000.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp		
- Công ty CP Sông Đà 3	Thành viên Tcty	6.590.910
- Công ty CP Máy xuất khẩu Sông Đà	Công ty liên kết	81.849.091
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thủy Điển	Công ty liên kết	1.066.588.182
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	250.241.600
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		
- Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ	960.968.776
- Công ty CP Sông Đà 27	Thành viên Tcty	1.059.594.545
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	5.960.655.936
Lãi ủy thác quản lý vốn		
- Công ty CP Tài chính Sông Đà	Thành viên Tcty	637.025.093
Lãi cho vay vốn		
- Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ	18.751.360.789
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thủy Điển	Công ty liên kết	181.527.046
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	Công ty con	192.789.052

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2009 VND
Phải thu tiền cho vay		
- Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ	134.476.634.351
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thủy Điển	Công ty liên kết	15.393.775.201
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	Công ty con	1.707.758.900
Phải thu tiền bán, tiền ứng trước		
- Công ty CP Sông Đà 3	Thành viên Tcty	7.250.000
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	5.471.698.000
Phải thu vốn ủy thác		
- Công ty CP Tài chính Sông Đà	Thành viên Tcty	2.153.139.231
Phải trả tiền mua, tiền nhận ứng trước		
- Công ty CP Xi măng Sông Đà	Thành viên Tcty	59.120.000
- Công ty CP Sông Đà 27	Thành viên Tcty	1.111.711.100
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thủy Điển	Công ty liên kết	945.653.268
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	8.098.612.883

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) kiểm toán.

Thay đổi số liệu năm trước do áp dụng hồi tố thuế TNDN được miễn giảm năm 2008

Công ty thực hiện chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/06/2002 về chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần, theo đó Công ty được áp dụng ưu đãi như đối với đơn vị thành lập mới theo quy định tại Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 quy định chi tiết thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp (được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo). Công ty đã thực hiện kê khai miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2004, năm 2005 và giảm 50% số thuế phải nộp trong năm 2006, năm 2007.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội) ngày 21/12/2006. Theo Công văn số 11924TC/CST ngày 20/10/2004, Công văn số 5248/TC-CST ngày 29/04/2005 và Công văn số 10997/BTC-CST ngày 08/09/2006 của Bộ Tài chính thì Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi thực hiện niêm yết. Công ty thực hiện kê khai miễn giảm 50% số thuế phải nộp trong năm 2008 và năm 2009.

Trong Báo cáo tài chính năm 2008, Công ty mới hạch toán giảm 50% thuế TNDN. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm 2009, Công ty đã phát hiện ra sai sót và thực hiện việc điều chỉnh tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2008, thực hiện điều chỉnh hồi tố sai sót nêu trên trong số liệu so sánh năm 2008.

Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại do điều chỉnh hồi tố số liệu năm trước:

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Mã số</u>	<u>Trình bày lại VND</u>	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước</u>
Bảng cân đối kế toán			
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	2.200.519.134	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	124.434.012	3.727.051.298
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	36.014.155.586	30.211.019.166
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	-	5.803.136.420
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	41.426.563.126	35.623.426.706

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Đà Giang

Lê Thị Thủy

Đặng Thị Thường

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
 Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	13.578.142.106	2.089.318.198	3.001.066.683	1.348.265.960	-	20.016.792.947
2. Số tăng trong năm	482.026.721	450.209.601	-	61.663.833	-	993.900.155
- Mua sắm mới	-	199.142.857	-	61.663.833	-	260.806.690
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	230.000.000	-	-	-	230.000.000
- Tăng khác	482.026.721	21.066.744	-	-	-	503.093.465
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	14.060.168.827	2.539.527.799	3.001.066.683	1.409.929.793	-	21.010.693.102
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	3.398.713.794	559.001.593	1.029.562.655	1.137.941.908	-	6.125.219.950
2. Số tăng trong năm	845.664.784	418.721.002	500.177.796	148.614.865	-	1.913.178.447
- Trích khấu hao	845.664.784	418.721.002	500.177.796	148.614.865	-	1.913.178.447
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	4.244.378.578	977.722.595	1.529.740.451	1.286.556.773	-	8.038.398.397
III. Giá trị còn lại						
1. Đầu năm	10.179.428.312	1.530.316.605	1.971.504.028	210.324.052	-	13.891.572.997
2. Cuối năm	9.815.790.249	1.561.805.204	1.471.326.232	123.373.020	-	12.972.294.705

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối (*)	Cộng
Số dư đầu năm trước	70.000.000.000	(360.000)	-	34.565.172	2.000.000.000	26.295.661.495	98.329.866.667
Tăng vốn trong năm trước	20.999.890.000	-	-	-	-	-	20.999.890.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	41.426.563.126	41.426.563.126
Tăng khác	-	(1.322.000)	-	14.000.000.000	2.317.589.397	-	16.316.267.397
Giảm khác	-	-	-	13.999.928.000	-	31.708.069.035	45.707.997.035
Số dư đầy năm nay	90.999.890.000	(1.682.000)	-	34.637.172	4.317.589.397	36.014.155.586	131.364.590.155
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	36.806.888.329	36.806.888.329
Tăng từ trích lập các quỹ	-	-	-	14.630.740.347	1.499.477.597	-	16.130.217.944
Phân phối quỹ, chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	27.456.529.934	27.456.529.934
Giảm khác	-	-	101.897.617	-	-	-	101.897.617
Số dư cuối năm nay	90.999.890.000	(1.682.000)	(101.897.617)	14.665.377.519	5.817.066.994	45.364.513.981	156.743.268.877

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Tổng Công ty Sông Đà	46.410.000.000	51,00%	46.410.000.000	51,00%
Vốn góp của đối tượng khác	44.589.890.000	49,00%	44.589.890.000	49,00%
Cộng	90.999.890.000	100,00%	90.999.890.000	100,00%